TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2025/HS-PT
Ngày: 16- 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Dung; Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 204/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo Lê Đức C, Quan H, Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Anh K1 và Nguyễn Chí T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2025/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Đức C**, sinh năm: 2002 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086202008301; nơi cư trú: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long); chỗ ở hiện nay: Số A, khóm C, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng C1 và bà Thái Thanh T2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. **Quan H**, sinh năm: 1988 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086188014040; nơi cư trú: Số A, Khóm C, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quan S1 và bà Võ Thị H1; chồng: lý lịch bị can không thể hiện tên chồng; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. **Võ Tuấn T**, sinh năm 1997 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086097010945; nơi cư trú: Số F, khóm C, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh N và bà Phan Thị H2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 2006 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086206004197; nơi cư trú: Số I, Khóm E, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cao P và bà Phạm Thị Hồng T3; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. **Nguyễn Trường S**, sinh năm: 2001 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 084201007480; nơi cư trú: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: giao hàng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thanh X; vợ: Quan Tuyền; con: có 01 người con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. **Nguyễn Anh K1**, sinh năm: 2005 tại tỉnh Đồng Tháp; số định danh cá nhân: 087205006563; nơi cư trú: Tổ A, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công C2 và bà Lê Thị A; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. **Nguyễn Chí T1**, sinh năm: 2003 tại tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân: 086203010564; nơi cư trú: Số A, Khóm A, đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T4 và bà Đặng Thị Thanh T5; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/01/2025, Quan H cùng với Võ Tuấn T đến nhà số E khóm E, đường T, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) để gặp Trần Phương N1 T6 đòi tiền nợ thì có xảy ra cự cãi lớn tiếng với T6. Lúc này, ông T9 là cha ruột của T6 đã có uống rượu nên khi nghe cự cải ồn ào thì đi ra nói “Không thỏa thuận được thì lên Công an giải quyết”.

Sau đó ông T9 dùng chân đạp vào bụng H một cái làm H té ngã, ông T9 tiếp tục dùng tay nắm tóc và tát vào mặt H một cái nên H kêu lên "T ơi cứu chị, T cứu chị với", T thấy H bị đánh nên nhặt một viên gạch (loại gạch tiểu) của công trình sửa chữa hẻm C gần đó đánh vào đầu ông T9 một cái, thì ông T9 buông H ra, rồi T chở H đi về nhà. Sau đó, ông T9 đến Công an phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) để trình báo sự việc. Trong lúc đang làm việc tại Công an phường, ông T9 bị mệt nên xin về để đi bệnh viện kiểm tra. Trần Ngọc T7 là cháu của ông T9 chở ông T9 về nhà lấy đồ và tiền để vào bệnh viện khám, kiểm tra.

Khi T chở H về đến nhà thì gặp Lê Đức C, Quan T8, Nguyễn Trường S (chồng của T8), Nguyễn Đăng K đang có mặt tại nhà. Sau khi nghe H kể lại sự việc bị ông T9 đánh thì cả nhóm tức giận, C muốn đi đánh ông T9 để trả thù nên gọi điện thoại rủ Nguyễn Anh K1 và Nguyễn Chí T1 đến cùng đi. Khi T1 và K1 đến nghe C kể sự việc và rủ đi cùng để đánh ông T9 thì T1 và K1 đồng ý. K1 nhặt một thanh kim loại gần đó và nhận thêm một thanh kim loại do C đưa, K1 chuyển qua cho T1 cầm một thanh kim loại, nhưng do T1 điều khiển xe không cầm hung khí được nên T1 bỏ lại không mang theo. Do cả nhóm không biết mặt ông T9 nên C kêu H đi theo để chỉ cho cả nhóm biết để đánh, thì H đồng ý. Lúc đi T chở H, C chở K, S chở T8 và T1 chở K1, tất cả cùng đi theo sự hướng dẫn, chỉ đường của H để đến nhà tìm ông T9.

Khoảng 22 giờ 05 phút cùng ngày, khi cả nhóm đến ngã tư đường đal phía sau Văn phòng K, Phường D (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long (trước nhà số E) là lối rẻ đi vào nhà ông T9 thì H kêu cả nhóm dừng lại đợi tại ngã tư để H đi bộ vào bên trong xem ông T9 có nhà không. Lúc H vừa đi vào một đoạn thì thấy Trần Ngọc T7 đang chở ông T9 đi ngang qua nên H quay lại và dùng tay chỉ chạy theo ông T9, vừa la lớn "Ổng kìa" cho cả nhóm biết ông T9. Khi nghe H la lớn thì cả nhóm biết ông T9 đang trên xe do Trần Ngọc T7 điều khiển. Lúc này, C, K, T, S, K1, Chí T1 lao vào tấn công và đánh Ngọc T7 và ông T9: C ôm giữ và kéo ông T9 từ trên xe mô tô xuống để T đánh ông T9 bằng tay phải được một cái thì bị ông T9 đánh lại trúng vào người một cái rồi T ôm giữ ông T9, C đánh ông T9 bằng tay được bốn năm cái vào bụng thì C tiếp tục ôm ông T9 cho T tiếp tục đánh ông T9 bằng tay được hai cái nữa. K đánh ông T9 bằng tay được hai ba cái thì chạy đi nhặt cây sắt trên đường đal do K1 mang theo, K cầm cây sắt bằng hai tay rồi đánh từ trên xuống trúng vào người ông T9 được hai ba cái, K mới lui lại thì S xông vô đánh ông T9 bằng tay được hai ba cái, sau đó S tháo nón bảo hiểm đang đội trên đầu đánh ông T9 hai ba cái. Quan Tuyền thấy nhóm người mình dùng thanh sắt đánh ông T9 nên có vào can ngăn S và C nhưng không can ngăn được.

Trong lúc đó, K1 đấm một cái bằng tay phải từ phía sau trúng vào vai trái của Trần Ngọc T7, Trần Ngọc T7 mới đứng hai chân xuống đất, chiếc xe nằm giữa hai chân, K1 tiếp tục đá bằng chân phải vào bắp chân trái của Trần Ngọc T7 một cái,

Trần Ngọc T7 quơ tay phải trúng vào lưng của K1, K1 bị đau nên chạy ra, Trần Ngọc T7 mới bỏ xe để đánh K1 thì bị Nguyễn Chí T1 chạy đến ôm Trần Ngọc T7 lại, K cầm cây sắt bằng hai tay đánh từ trên xuống trúng vào người Trần Ngọc T7 bốn năm cái. Sau khi nghe tiếng đánh nhau ồn ào và lời kêu cứu từ ông T9 và Trần Ngọc T7 đã làm người dân xung quanh thức giấc, vợ ông T9 nghe tiếng đánh nhau đã truy hô nên cả nhóm của C cùng các bị cáo rời khỏi hiện trường. Trần Ngọc T7 và ông T9 được người nhà đưa đến Bệnh viện Đ cấp cứu.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 10/KLTTCT-TTPY ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh V kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Ngọc T7 tại thời điểm giám định là 10% (mười phần trăm).

Căn cứ Bản kết luận giám định số 50/KLTTCT-TTPY ngày 20 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh V kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Văn T9 tại thời điểm giám định là 02% (hai phần trăm).

Ông Trần Văn T9 và anh Trần Ngọc T7 không có yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích.

Sau khi sự việc đánh nhau xảy ra, tập thể tổ nhân dân tự quản 10A khóm 5, phường D (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long đã có đơn đề nghị xử lý các đối tượng tham gia đánh nhau vào đêm 04/01/2025 đến Ủy ban nhân dân phường D1 (nay là phường P). Ủy ban nhân dân phường D1 (nay là phường P) đã có Công văn số 167/UBND ngày 29/4/2025 yêu cầu xem xét xử lý nghiêm các đối tượng trên về hành vi tụ tập đông người, sử dụng hung khí chặn đường đánh người tại khu vực đường đi trong khu đông dân cư gây náo loạn khu vực công cộng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây nên tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân và ảnh hưởng đến phường văn minh đô thị.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Đức C, Quan H, Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Anh K1 và Nguyễn Chí T1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng"

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Quan H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Tuấn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều

17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/10/2025, bị cáo Nguyễn Chí T1 kháng cáo yêu cầu xử phạt bị cáo 18 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo

Ngày 09/10/2025, bị cáo Lê Đức C, Quan H, Nguyễn Trường S kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo; bị cáo Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Anh K1 kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Đức C, Quan H, Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Anh K1 và Nguyễn Chí T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Cụ thể tuyên:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Quan H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Tuấn T 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 02 (hai)

năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K1 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T1 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Quan H nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo đang mang thai.

Bị cáo Nguyễn Chí T1 nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo .

Các bị cáo Lê Đức C, Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Trường S và Nguyễn Anh K1 không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Đức C, Quan H, Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Anh K1 và Nguyễn Chí T1 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: Vì mâu thuẫn trong việc không đòi được tiền và bị ông Trần Văn T9 đánh nên vào khoảng 22 giờ 05 phút ngày 04/01/2025, Quan H rủ Võ Tuấn T, Lê Đức C, Nguyễn Trường S, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Chí T1, Nguyễn Anh K1 mang theo hung khí (T10) đến nhà ông T9 đánh trả thù. Khi đến gần nhà ông T9 (khu vực phía sau Văn phòng khóm E, phường P, tỉnh Vĩnh Long) thì H kêu cả nhóm đợi để H đi bộ vào

trước xem ông T9 có nhà không. Cùng lúc này, H phát hiện Trần Ngọc T7 điều khiển xe mô tô chở ông Trần Văn T9 đi ngang qua nên liền chỉ tay về phía ông T9 cho các bị cáo biết, đồng thời chạy theo la lớn "Ổng kìa". T, C, S, K, Chí T1 và K1 biết người Quan Hằng chỉ là ông T9 nên cùng nhau xông vào dùng tay, thanh kim loại, nón bảo hiểm đánh Trần Ngọc T7 và ông Trần Văn T9 gây thương tích (qua giám định ông T9 bị thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 02%, Trần Ngọc T7 bị thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 10%, ông T9 và anh T7 không có yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích). Trong lúc các bị cáo rượt đuổi để đánh ông T9 và Ngọc T7 thì các bị cáo hô hào, la hét làm náo loạn khu vực vào thời điểm sau 22 giờ khuya làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Lúc đó người dân nghe tiếng kêu cứu của ông T9 và T7 nên ra xem và vợ ông T9 chạy ra thì các bị cáo bỏ chạy rời khỏi hiện trường. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Lê Đức C, Quan H, Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Anh K1 và Nguyễn Chí T1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" với tình tiết định khung tăng nặng *"Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Đức C, Quan H, Nguyễn Trường S, Nguyễn Chí T1 yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo; kháng cáo của các bị cáo Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Anh K1 yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Đức C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Quan H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; bị cáo Võ Tuấn T 02 (hai) năm tù; bị cáo Nguyễn Đăng K 02 (hai) năm tù; bị cáo Nguyễn Trường S 02 (hai) năm tù; bị cáo Nguyễn Anh K1 02 (hai) năm tù và bị cáo Nguyễn Chí T1 02 (hai) năm tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Quan H nộp tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo đang mang thai, cha của bị cáo là ông Quan S1 bị nhồi máu não cấp vùng hành não trái đã sử dụng rTPA- Tăng huyết áp- Rối loạn lipid máu. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Chí T1 nộp tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo là quân nhân xuất ngũ, xác nhận của Công an phường P thể hiện bị cáo có nhân thân tốt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo khoản 2 Điêu 51 Bộ luật hình sự. Song mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là đã có xem xét khi quyết định hình phạt. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; bị cáo Quan H có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo

khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị giữ y bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Đức C, Quan H, Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Anh K1 và Nguyễn Chí T1; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1.1 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Quan H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Tuấn T 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.4 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.5 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.6 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều

17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K1 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.7 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T1 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo Lê Đức C, Quan H, Võ Tuấn T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Trường S, Nguyễn Anh K1 và Nguyễn Chí T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long(1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
-Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long(21b);
- VKSND khu vực 1- Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 1- Vĩnh Long (1b);
-UBND phường Thanh Đức, phường Phước Hậu, phường Long Châu tỉnh Vĩnh Long(3b);
- UBND xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp (1b);
- Bị cáo (7b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Sơn